TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ B** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số:81/2021/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 27 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 397, Điều 212, Điều 213, Khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 6, khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 1, 3 Điều 37 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số:121/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: 1/ Bà Trần Thị N - sinh năm 1965

2/ Ông Lê Công T - sinh năm 1962

Cùng trú tại: Tổ 5, khu phố 10, phường B, thị xã B, tỉnh T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị N và ông Lê Công T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã B, tỉnh T năm 1986. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng thường xuyên to tiếng với nhau, cuộc sống không hòa hợp. Đến đầu năm 2021 ông Trình bắt đầu nảy sinh tình cảm với người cùng xóm, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nay bà N, ông T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên muốn giải thoát cho nhau. Vì vậy, ông T, bà N thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Lê Công T và bà Trần Thị N.

[2] Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Lê An N(nữ) sinh ngày 30/4/1987, cháu thứ hai tên là Lê Công S(nam) sinh ngày 11/12/1990. Các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn: Lệ phí ly hôn sơ thẩm bà Trần Thị N nộp 150.000đ, ông Lê Công Tr nộp 150.000đ. Hai bên thỏa thuận bà Trần Thị N nộp thay phần lệ phí ly hôn cho ông Lê Công T.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành , không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Lê Công T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Lê An N(nữ) sinh ngày 30/4/1987, cháu thứ hai tên là Lê Công S(nam) sinh ngày 11/12/1990. Các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị N và ông Lê Công T mỗi người nộp 150.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận bà N nộp thay lệ phí ly hôn cho ông T nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, theo biên lai thu số: AA/2021/0005011 ngày 05/10/2021. Như vậy, bà N, ông T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- VKSND thị xã B
- Đương sự
- UBND P. B(ĐK 06/3/1986)
- Chi cục Thi hành án
- Giám đốc án

THẨM PHÁN

TỐNG THỊ HÀ

- Lưu hồ sơ